

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2026/HS-PT

Ngày 03/02/2026

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 414/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Đình P, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 611/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Đình P, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1992 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi đăng ký thường trú: tổ B khu phố P, phường M, thành phố P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1956 và bà Đinh Thị L, sinh năm 1958; gia đình có 3 anh em, bị cáo là con thứ ba; vợ Vũ Thanh H, sinh năm 1996.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 24/4/2025 (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình P: Luật sư Hồ Hoài N, Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Bị hại: Ông Fukushima M (quốc tịch: Nhật Bản), sinh năm 1983; địa chỉ: 3 đường W, thành phố W, tỉnh Wakayama, Nhật Bản. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Fukushima M: Bà Dương Thị H1, sinh năm 1989; trú tại: Tổ D, phường T, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Fukushima Masato: Luật sư Diễm Thị Phương T, Công ty L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/12/2021, bà Dương Thị H1 đại diện cho ông Fukushima M có đơn tố cáo Dương Văn T1 về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và Nguyễn Đình P về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” liên quan đến việc nhận chuyển nhượng giúp ông M quyền sử dụng đối với 02 thửa đất tại thị xã P (nay là thành phố P).

Ngày 27/4/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Dương Văn T1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự để điều tra. Vụ án đã được xét xử, bị cáo Dương Văn T1 hiện đang chấp hành án.

Ngày 12/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự đối với Nguyễn Đình P để tiến hành xác minh theo quy định.

Ngày 21/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B kết thúc việc giải quyết nguồn tin về tội phạm bằng việc ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và ngày 24/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố bị can đối với Nguyễn Đình P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra theo quy định.

Quá trình điều tra xác định:

1. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của M và Nguyễn Đình P tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Từ năm 2018 đến tháng 8 năm 2019, Nguyễn Đình P làm việc tại Công ty A (trụ sở tại Nhật Bản) – Giám đốc là ông Fukushima M. Tháng 5/2019, P có trao đổi với M về việc thời điểm này đầu tư bất động sản ở Việt Nam là rất tốt. Sau khi tìm hiểu thị trường bất động sản tại Việt Nam, M nhờ Nguyễn Đình P tìm người mua đất giúp ông. P đồng ý và liên hệ với em họ là Lê Văn G mua giùm đất cho M, G đồng ý. Sau đó, M chuyển số tiền 48 triệu Yên N1 cho Nguyễn Đình P để P chuyển về Việt Nam cho G. Khi P và M trao đổi về việc đầu tư đất tại Việt Nam, hai bên lập văn bản và không thỏa thuận việc phân chia lợi nhuận.

Sau khi M chuyển tiền cho Nguyễn Đình P, P đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng cho Lê Văn G tổng số tiền là 9.985.000.000 đồng. G đã sử dụng số tiền nêu trên như sau:

G sử dụng số tiền 1.000.000.000 đồng để nhận chuyển nhượng thửa đất số

469 tờ bản đồ số 36; địa chỉ khu phố P, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thửa đất thứ nhất). Việc chuyển nhượng được Lê Văn G thống nhất với vợ chồng ông Nguyễn Văn T2 và bà Hoàng Mai P1 đang đứng tên sử dụng thửa đất trên (do G và T2 góp vốn mua chung khoảng 6.000m² đất, sau đó tách thành nhiều thửa nhỏ để bán, trong đó có thửa đất nêu trên;

G sử dụng số tiền 8.620.000.000 đồng thanh toán cho ông Huỳnh Phước C1 để nhận chuyển nhượng thửa đất số 519, tờ bản đồ số 21, địa chỉ tại ấp S, xã S, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (thửa đất thứ hai).

Số tiền còn lại là 365.000.000 đồng, P cho G 200.000.000 đồng tiền công khi G giúp P nhận chuyển nhượng thửa đất thứ hai, còn lại 165.000.000 đồng Giáp giữ giúp P. Việc này P không thông báo cho ông M biết.

Tháng 7/2019, khi hết thời hạn hợp đồng lao động tại Nhật Bản, P về Việt Nam, làm giám đốc đối ngoại của Công ty Cổ phần C2 tại huyện T, Hà Nội. Khi P về Việt Nam, M yêu cầu P đứng tên 02 thửa đất nêu trên giúp Masato. Thực hiện yêu cầu của M, P trao đổi và được Lê Văn G làm thủ tục sang tên hai thửa đất trên cho P đứng tên, đồng thời G giao lại cho P số tiền 165 triệu đồng còn thừa khi mua 02 thửa đất nêu trên. P thông báo cho ông M biết đã hoàn thành việc sang tên hai thửa đất cho P để quản lý giúp M. Tháng 11/2019, M trao đổi với P về việc bán hai thửa đất, P nói thửa đất thứ nhất đã rao bán nhưng không thành công, nếu bán với giá 06 triệu Yên N thì sẽ bán được ngay và được M đồng ý; thửa đất thứ hai thì P cho biết phải phân chia ra thành 500m²/01 lô để dễ bán, nếu bán sẽ được 55 triệu Yên Nhật nhưng mất thời gian.

Từ ngày 06/01/2020 đến ngày 19/8/2020, P đã hai lần nộp hồ sơ đề nghị chuyển mục đích sử dụng đất tại Chi nhánh VP đăng ký đất đai thị xã P, lần thứ nhất diện tích 1.956m²/4.063m², lần thứ hai diện tích 300m²/4.063m² từ đất nông nghiệp trồng cây lâu năm sang đất thổ cư. Lần thứ nhất khi có thông báo nộp lệ phí trước bạ và nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế thị xã P, P gửi cho M. Masato thấy số tiền quá lớn (5.120.058.680 đồng) nên ông không đồng ý, lần thứ hai do P tự hủy hồ sơ.

Thời gian này, M đang cần tiền để đầu tư tại C nên M yêu cầu P bán thửa đất thứ hai và gửi hình ảnh giấy tờ của hai thửa đất nhưng P cho biết đang nộp hồ sơ đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng đất và phải chờ hai tháng; đồng thời P nói sẽ gửi tiền của P cho ông M xử lý công việc, M nói cần 48 triệu Yên Nhật (bằng số tiền đã giao cho P để mua hai thửa đất). Sau đó, P thông tin cho M1 do dịch Corona nên P chỉ vay ngân hàng được 02 triệu Yên N1, một tháng nữa mới nhận được tiền, Masato tiếp tục yêu cầu P bán đất và gửi hình ảnh giấy tờ hai thửa đất nhưng P không thực hiện.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Đình P

Do thấy số tiền để chuyển mục đích sử dụng đất lớn so với số tiền đầu tư ban đầu và P liên tục yêu cầu chuyển tiền, ông M đã nghi ngờ P nên thông qua bà Đàm Thị H2 (trợ lý của M) nhờ Dương Văn T1 là bạn học chung với Đàm Thị H2 tại Nhật Bản và đang làm việc tại Việt Nam đến tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để nhận

chuyển nhượng hai thửa đất từ Nguyễn Đình P.

Ngày 12/9/2020 ông M lập nhóm chat trên ứng dụng “Line” gồm có ông M, Nguyễn Đình P và Dương Văn T1 để trao đổi việc chuyển nhượng hai thửa đất trên sang cho T1.

Ngày 17/9/2020 P nói với ông M, P đã gọi đến công ty C2 thì ngày 21/9/2020 sẽ thực hiện việc chuyển nhượng theo yêu cầu của ông M. Đồng thời P yêu cầu ông M phải thanh toán số tiền 600 Man (tức 06 triệu Yên N) cho Công ty dịch vụ, P không liên quan đến số tiền đó. Sau đó, M điện thoại cho P để tìm hiểu về số tiền P yêu cầu thanh toán nêu trên (Masato có ghi âm cuộc gọi). Qua điện thoại P giải thích với M biết số tiền 6 triệu Yên trên là phải thanh toán cho công ty M2, đó là quy định của công ty M2; P hỏi ông M “Bây giờ giám đốc muốn gì; không muốn trả 6 triệu Yên N1 hả” thì M trả lời “không phải không trả mà chỉ muốn nghe lý do”. P tiếp tục nói tiền 6 triệu Yên N1 không phải tiền thuế, vì nhờ công ty và nhờ nhiều lần nên P phải ký hợp đồng và công ty nhận số tiền đó, công ty M2 đang giữ bản gốc giấy tờ. Tin lời P, ông M đồng ý trả tiền theo yêu cầu của P.

Sau khi M đồng ý với yêu cầu của P, trên nhóm chat, P đã thống nhất với ông M và T1 đúng 10 giờ ngày 21/9/2020 P sẽ gặp T1 để thực hiện việc chuyển nhượng các thửa từ P sang cho T1. Tuy nhiên, đến Ngày 18/9/2020, P tiếp tục hỏi ông M về số tiền 06 triệu Yên N1 thanh toán cho công ty C2 vì ngày 21/9/2020 sẽ hoàn tất việc chuyển nhượng sang cho T1. Lúc này, do có sự nghi ngờ thông tin P đưa ra nên M yêu cầu P hướng dẫn Ông liên lạc với người của công ty dịch vụ sang tên đất. P đã cung cấp số điện thoại 0979598951 của Lê Văn G đang sử dụng. Tiếp theo, ngày 19/9/2020, P và M tiếp tục trao đổi qua ứng dụng “Line”, P nói đã hai lần thuê công ty C2 làm thủ tục chuyển đổi đất lên thổ cư đối với thửa thứ hai và đã phải dừng lại theo yêu cầu của ông M, mỗi lần là 3 triệu Yên N1, hai lần là 6 triệu Yên N1, P không liên quan đến số tiền này. Khi P liên tục khẳng định lý do chỉ 600 Man (tương đương 06 triệu Yên N) cho Công ty dịch vụ thì Masato tin vào thông tin P đưa ra, không thắc mắc gì về số tiền này nữa. Qua đó M và P thống nhất số tiền 600 Man này sẽ được cân trừ khi công ty của P đưa kỹ sư sang Nhật Bản làm việc do Công ty A do M làm giám đốc.

Trong các ngày 21,22/9/2020, P đã lần thủ tục và ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng hai thửa đất trên cho Dương Văn T1 và vợ là Hà Thị Bích

Ngày 21/12/2020, P đại diện cho Công ty Cổ phần C2 làm thủ tục đưa 25 kỹ sư sang Nhật Bản làm việc do Công ty A tiếp nhận. Quá trình trao đổi công việc, P yêu cầu ông M khi quyết toán chi phí đưa kỹ sư sang N thì phải thanh toán số tiền 600 Man cho P như đã trao đổi trước khi P thực hiện chuyển nhượng hai thửa đất cho T1 và M đã đồng ý thực hiện. Sau đó, P được ông Hoàng Sỹ T3 (Giám đốc Công ty Cổ phần C2) giao số tiền 1,5 tỷ đồng để P thanh toán số tiền 765 Man Yên Nhật cho Công ty A (thời gian nhận P và ông T3 không nhớ cụ thể). Sau khi nhận số tiền trên, P đã cân trừ 600 Man Y đã thỏa thuận với ông M và chuyển khoản cho ông M số tiền 138 Man Y vào ngày 06/02/2021.

Quá trình điều tra, Nguyễn Đình P khai nhận: mục đích của việc nhận số tiền

600 Man (tức 06 triệu Yên Nhật) của ông M là tiền công M phải trả cho P khi P giúp Ông nhận chuyển nhượng và quản lý giùm hai thửa đất trên; tiền P phải chi cho việc san ủi, rào đất để quản lý đối với thửa thứ hai; tiền P thuê một người làm dịch vụ trong hai lần đề nghị chuyển đổi thổ cư cho thửa đất thứ hai. Tuy nhiên, ngoài lời khai, P không cung cấp được các tài liệu thể hiện đã chi các số tiền trên và cũng không xác định được nhân thân người P thuê làm dịch vụ.

Ngoài ra P còn khai nhận: đối với T4 đất thứ nhất, P chỉ thỏa thuận với ông M sử dụng số tiền 05 triệu Yên N để Lê Văn G nhận chuyển nhượng 330m²/523m² và P nhận chuyển nhượng diện tích 193 m²/523m².

Quá trình điều tra, ông M khai nhận: khi đồng ý thanh toán số tiền 06 triệu Yên N thì ông M tin tưởng các thông tin do P đưa ra: P đã chi số tiền 6 triệu Yên N1 cho công ty M2 trong hai lần làm thủ tục đề nghị chuyển đổi đất thổ cư cho thửa đất thứ hai và trong đó có một khoản “hồi lộ” cho công ty dịch vụ. Masato đã nhiều lần điện thoại hỏi P việc này, có lần điện thoại nói chuyện với P 3 giờ đồng hồ, nhưng P vẫn khẳng định điều đó. Ông M cũng đã hỏi T1 về những thông tin P đưa ra, T1 khẳng định với M rằng P không dám lừa Ông nên M tin tưởng giao số tiền 06 triệu Yên N cho P.

Đối với thửa đất thứ nhất, M khai nhận: khi thỏa thuận giao số tiền 5 triệu Yên N1 cho Nguyễn Đình P để nhờ Lê Văn G nhận chuyển nhượng thửa đất thứ nhất, ông M thống nhất với Nguyễn Đình P sử dụng số tiền trên để nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích của thửa đất là 523m² nhưng khi P sang nhượng thửa đất trên cho Dương Văn T1 thì P chỉ sang nhượng diện tích 330m² và P chiếm đoạt quyền sử dụng đất đối với diện tích 193 m² còn lại của thửa đất trên.

Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Nguyễn Đình P và ông M nhưng hai bên không thay đổi về lời khai của mình đối với việc nhận chuyển nhượng diện tích của thửa đất thứ nhất. Đối với các cuộc nói chuyện qua mạng Line giữa Nguyễn Đình P và M liên quan đến việc M yêu cầu P bán hai thửa đất tại thị xã P (nay là thành phố P) và việc P giải thích lý do tại sao M phải chi thêm số tiền 600 Man đã được M ghi lại bằng 09 file ghi âm, M đã nộp cho Cơ quan điều tra.

Đối với các thông tin P đưa ra trong các cuộc nói chuyện với M để yêu cầu M đồng ý chi trả thêm 600 Man và lời khai của P tại Cơ quan điều tra được Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, kết quả như sau:

- Hiện trạng thửa đất thứ hai không thay đổi kể từ khi ông Huỳnh Phước C1 chuyển nhượng cho Lê Văn G, cho đến khi được T1 chuyển nhượng cho ông Lý Quốc B.

- Ông Vương Quốc L1 là người làm dịch vụ cho Nguyễn Đình P trong hai lần đề nghị chuyển đổi thổ cư cho thửa đất với chi phí dịch vụ mỗi lần là 500.000 đồng; đồng thời phát sinh chi phí khi Nguyễn Đình P thực hiện thủ tục chuyển đổi thổ cư cho thửa đất thứ hai gồm:

- + Đối với việc đề nghị chuyển đổi thổ cư diện tích 300m²/4063m² phát sinh chi phí số tiền 1.857.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 167/2020/HĐĐDCN ngày 03/8/2022 ký giữa Nguyễn Đình P và Công ty TNHH Đ về việc trích đo địa chính

cắm mốc, xác định ranh giới thửa đất và chi phí thẩm định hồ sơ đo đạc chỉnh lý chuyển mục đích sử dụng tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã P theo mã hợp đồng số 10072/HĐ-CNVPĐK ngày 19/8/2020, số tiền 32.230 đồng;

+ Đối với việc đề nghị chuyển đổi thổ cư diện tích $1956\text{m}^2/4063\text{m}^2$ phát sinh chi phí số tiền 3.268.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế số 06/2019/HĐĐĐCN ngày 04/12/2019 ký giữa Nguyễn Đình P và Công ty TNHH Đ về việc trích đo địa chính cắm mốc, xác định ranh giới thửa đất.

Tổng số tiền chi phí P đã chi trong hai lần đề nghị chuyển đổi thổ cư cho thửa đất thứ hai là: 6.157.230 đồng.

Kết quả trưng cầu giám định:

Ngày 21/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 112/QĐ-CSKT để trưng cầu V Bộ C3 giám định âm thanh (giọng nói) tại 09 file ghi âm do ông M cung cấp nói chuyện qua điện thoại giữa ông M và Nguyễn Đình P.

Kết luận giám định số 888/KL-KTHS ngày 12/3/2025 của V Bộ C3, kết luận: Nguyễn Đình P là một trong hai người nói trong 07/9 file ghi âm do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B trưng cầu”; Không xác định được có phải là tiếng nói của Nguyễn Đình P hay không đối với 02 file ghi âm do thời lượng tiếng nói ngắn.

Theo tra cứu trên trang Web địa chỉ: www.qln.mof.gov.vn của Cục Q và tài chính đối ngoại Bộ T5 thông báo tỷ giá hoạch toán ngoại tệ tháng 12/2020 theo Thông báo số 6777/TB-KBNN ngày 30/11/2020 của Kho bạc nhà nước thể hiện tỷ giá hối đoái giữa Việt Nam Đồng và Y thời điểm tháng 12/2020 là $223 \text{ VNĐ} = 1 \text{ Y}$. Do đó 06 triệu Yên N1 tại thời điểm ngày 21/12/2020 tương đương với 1.338.000.000 đồng.

Trong khi đó, P có chi thực tế số tiền 6.157.230 đồng; số tiền còn lại $(1.338.000.000 \text{ đồng} - 6.157.230 \text{ đồng}) = 1.331.842.770 \text{ đồng}$, là số tiền Nguyễn Đình P đã chiếm đoạt của M.

Với kết quả điều tra, kết luận giám định, kết quả tra cứu về tỷ giá hối đoái giữa Việt Nam Đồng và Y thời điểm tháng 12/2020, đã có đủ cơ sở xác định: Nguyễn Đình P có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông M số tiền 1.331.842.770 đồng (tại thời điểm hoàn thành hành vi phạm tội ngày 21/12/2020).

* Về phần trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại ông M là bà Dương Thị H1 yêu cầu Nguyễn Đình P hoàn trả lại toàn bộ số tiền P đã chiếm đoạt của M.

* Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu:

Vật chứng gồm:

+ 02 điện thoại di động (01 điện thoại hiệu Iphone Xs Max; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Promax);

+ 02 USB (vỏ bằng nhựa màu đen, trên có chữ Sandisk – E8BDC), trong đó: 01 cái được niêm phong, 01 cái không niêm phong;

+ 01 USB vỏ nhựa màu đen, một bề mặt vỏ có ghi chữ “Cruzer G11de 3.0 16 GB” và một mặt vỏ nhựa màu ghi chữ “SanDisk”; 01 USB hiệu “SanDisk” 8GB;

+ 02 USB (có đặc điểm: vỏ bằng kim loại màu bạc, trên có chữ MIXZA – QS-04 64GB), trong đó: 01 cái được niêm phong, 01 cái không niêm phong;

- Xử lý vật chứng: không.

Số vật chứng nêu trên được Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC03), Công an tỉnh B chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bảo quản, chờ xử lý theo Bản án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 611/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 12 (mười hai) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/9/2025, bị cáo Nguyễn Đình P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình P vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình P: Trong quá trình điều tra, cấp sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo khắc phục toàn bộ hậu quả. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, xử bị cáo từ 09-10 năm tù.

Luật sư bào chữa chỉ định cho bị cáo trình bày: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện Công tố chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị giảm hình phạt, xử bị cáo mức án từ 09-10 năm tù. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tác động gia đình bồi thường hết số tiền cho bị hại cụ thể ngày 15/01/2026 số tiền 50.000.000 đồng và ngày 03/02/2026 số tiền 282.000.000 đồng. Gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị ung thư, gia đình có truyền thống Cách mạng, con còn nhỏ, có bố là thương binh 2/4 đã tham gia chiến trường K, cậu ruột là liệt sĩ, bà ngoại được tặng huy hiệu 60 năm tuổi Đảng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xem xét cho bị cáo mức án thấp hơn đại diện Viện Công tố đề nghị.

Bị cáo Nguyễn Đình P trình bày: Thống nhất ý kiến của Luật sư.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị cáo Nguyễn Đình P trình bày: Khi bị cáo còn ở Nhật Bản, ông Fukushima M có nhờ bị cáo mua bán đất, có hứa chia lợi nhuận cho bị cáo. Bị cáo về Việt Nam, ông yêu cầu chuyển đất cho T1. Công lao của bị cáo bị tước đoạt, bị cáo cần trừ tiền, hành vi của bị cáo bộc phát nhất thời, không tham lam. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm hình phạt cho bị cáo, sớm về làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đình P thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu.

Nguyễn Đình P có mối quan hệ đồng nghiệp với ông Fukushima M tại Công ty A. Do tin tưởng Nguyễn Đình P nên khi P về Việt Nam vào tháng 7 năm 2019, M đã nhờ P đứng tên hai thửa đất tại thị xã P (nay là thành phố P) mà ông đã nhờ P và em họ là Lê Văn G mua giúp trước đó. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2019 đến tháng 8/2020, khi M yêu cầu P bán hai thửa đất để lấy tiền đầu tư thì P đưa ra nhiều lý do khiến M không tin tưởng P; Ông yêu cầu P sang nhượng quyền sử dụng hai thửa đất như đã nêu trên cho Dương Văn T1. Khi M đưa ra yêu cầu đó với P, P đã đưa ra các thông tin gian dối: P đã chi số tiền 1,2 tỷ đồng cho công ty C2 trong hai lần làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất thứ hai và yêu cầu M phải thanh toán cho P trước khi P thực hiện chuyển nhượng hai thửa đất cho T1. Masato đã tin vào thông tin do P đưa ra nên đồng ý trả cho P số tiền trên. Việc ông M đồng ý trả tiền cho P thể hiện trong tin nhắn giữa P và M trao đổi vào ngày 21/9/2020, hai bên thống nhất với phương thức thanh toán bằng việc cản trừ chi phí khi Nguyễn Đình P đưa 22 kỹ sư từ Việt Nam sang Nhật Bản làm việc (do M tiếp nhận). Sau khi được M đồng ý thanh toán số tiền 600 Man cho Nguyễn Đình P thì P mới thực hiện thủ tục chuyển nhượng hai thửa đất sang cho Dương Văn T1.

Đến ngày 21/12/2020, M đã thực hiện việc thanh toán số tiền 600 Man (tương đương 1.338.000.000 đồng) cho P bằng việc trừ vào số tiền Công ty Cổ phần C2 (nơi P làm việc) phải thanh toán cho ông M khi đưa 22 kỹ sư từ Việt Nam sang làm việc cho Công ty A. P đã nhận số tiền trên từ Công ty Cổ phần C2.

Mặt khác, khi làm việc với Cơ quan điều tra thì P khai nhận số tiền 600 Man (tương đương 1.338.000.000 đồng) P nhận của ông M là tiền công của ông M trả cho P khi nhận chuyển nhượng và quản lý giùm ông M hai thửa đất trên và tiền san ủi, rào đất để quản lý đối với thửa thứ hai. Tuy nhiên, thực tế chỉ có các tài liệu chứng minh P đã chi số tiền 6.157.230 đồng cho 02 lần làm hồ sơ đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng đất (thổ cư) cho thửa đất thứ hai.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đình P, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[3.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đình P về tội :“*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3.2] Về hình phạt:

Hành vi của P là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo và gia đình đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị hại, hai lần ngày 15/01/2026 số tiền 50.000.000 đồng và ngày 03/02/2026 số tiền 282.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo 09 năm tù như ý kiến của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị.

Ý kiến của người bào chữa đề nghị giảm hình phạt và giảm sâu hơn mức đại diện Viện Công tố đề nghị thì Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận phần đề nghị phù hợp.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Toà án nhân dân số 81/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 85/2025/UBTV QH15 phê chuẩn đề nghị của Chánh án Toà án nhân dân tối cao về việc thành lập các Toà Phúc thẩm, Cục, Vụ và tương đương, Cơ quan báo chí của Toà án nhân dân tối cao;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đình P. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 611/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình P 09 (chín) năm tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2025.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Đình P theo Quyết định của Hội đồng xét xử để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình P không phải chịu.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 611/2025/HS-ST ngày 16/9/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo (Trại tạm giam tổng đạt);
- Lưu (Án - TTPT).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương